

Bản án số: 64/2022/DS-ST

Ngày: 26/9/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng
sử dụng thẻ tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Hoàng Văn Định

2/ Bà Lê Thị Xuân Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1001/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 82/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 234/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng a

Trụ sở chính: Lầu 8, số 266 – 268, N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông B (Theo Giấy ủy quyền số 350/2020/UQ-TT ngày 11/8/2020). (Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Quách T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số 148/20A, đường L, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 11/8/2020, các lời khai và các Biên bản không tiến hành hòa giải được trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng A có ông B là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền thống nhất trình bày:

Ngày 14/12/2011, ông Quách T có ký với Ngân hàng A (gọi tắt là A) Hợp

đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Quách T, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 12.632.200 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 25.349.395 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Sacombank. Ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau: Phí trễ hạn là 4.000.000 đồng, phí thường niên và phí thông báo giao dịch là 928.000 đồng, lãi trong hạn là 11.081.093 đồng. Sau khi trừ hết các khoản trên theo thứ tự thì số tiền gốc còn lại là 572.250 đồng. Ông T sử dụng thẻ từ tháng 12/2011 đến tháng 11/2016 và có thanh toán đều cho A nhưng đến tháng 12/2016 thì ngưng thanh toán.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Trinh vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Trinh vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của A), ngày 26/12/2016 A đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của A). Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc là 572.250 đồng áp dụng theo mức lãi suất quá hạn là 3.225%/tháng. Tiền lãi quá hạn kể từ ngày 26/12/2016 đến 25/4/2022 là 2.720.248 đồng.

Tính đến ngày 25/4/2022, ông Quách T còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 572.250 đồng
- Lãi quá hạn: 2.720.248 đồng
- Tổng cộng: 3.292.498 đồng.

Mặc dù A đã yêu cầu ông Quách T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông Quách T vẫn chưa thanh toán nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó A yêu cầu Tòa án buộc ông Quách T phải trả ngay cho A tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/4/2022 là 3.292.498 đồng đồng (*Bằng chữ: Ba triệu hai trăm chín mươi hai ngàn bốn trăm chín mươi tám đồng*), trong đó: Nợ gốc: 572.250 đồng; Lãi quá hạn: 2.720.248 đồng. Ngoài ra ông Quách T vẫn phải còn phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh từ ngày 26/4/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Khi ký kết hợp đồng do một mình ông Quách T ký và Ngân hàng cũng chỉ cấp một thẻ tín dụng cho ông Quách T, ngoài ra không cấp thêm thẻ phụ nào cả. Do đó

Ngân hàng chỉ yêu cầu một mình ông Quách T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ, ngoài ra không yêu cầu vợ ông Quách T phải thanh toán cùng.

Bị đơn ông Quách T đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định của pháp luật, nhưng ông T vẫn không có mặt theo triệu tập nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của ông T.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn A có ông B là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt 23/9/2022 ông B xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau: Do ông Quách T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên A yêu cầu Tòa án buộc ông T phải trả cho A tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/9/2022 là 3.387.208 đồng (*Bằng chữ: Ba triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn hai trăm lẻ tám đồng*), trong đó: Nợ gốc: 572.250 đồng; Lãi quá hạn: 2.815.958 đồng. Ngoài ra ông T vẫn còn phải tiếp tục trả khoản lãi, phí phát sinh từ ngày 27/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ Tín dụng cho đến khi trả hết nợ cho A.

Bị đơn ông Quách T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

[1.1]. Nguyên đơn A khởi kiện bị đơn ông Quách Ngọc Trinh phải trả số tiền nợ vay, nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Theo kết quả xác minh của Công an Phường 5, Quận 3 trả lời Phiếu yêu cầu xác minh ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân Quận 3 thể hiện: “*Đương sự Quách T sinh năm 1986 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 148/20A, đường L, Phường 7, Quận 3 (nay là Phường Võ Thị Sáu, Quận 3). Ông T đăng ký tạm trú tại địa chỉ số 51/14A, đường Giải Phóng, Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 1/2011 đến nay*” .

Theo kết quả xác minh của Công an Phường 4, quận Tân Bình trả lời Phiếu yêu cầu xác minh ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân Quận 3 thể hiện: “*Tại địa*

chỉ số 51/14A, đường Giải Phóng, Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh không có ai tên là Quách T sinh năm 1986 đang cư trú”.

Căn cứ kết quả xác minh trên cho thấy sau khi ký kết hợp đồng, bị đơn ông Quách T đã thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho Nguyên đơn biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đây được xem là trường hợp cố tình che giấu địa chỉ, được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, nơi cư trú tại Quận 3 của ông T được xem là nơi cư trú cuối cùng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

[2.1]. Nguyên đơn A có ông B là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt nguyên đơn.

[2.2]. Bị đơn ông Quách T đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt ông Quách T.

[3] Về áp dụng quy định pháp luật để giải quyết vụ án:

Xét giao dịch dân sự do các bên xác lập vào năm 2011 nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn A yêu cầu buộc bị đơn ông Quách T phải có trách nhiệm thanh toán số nợ tạm tính đến ngày 26/9/2022 là 3.387.208 đồng (*Bằng chữ: Ba triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn hai trăm lẻ tám đồng*), trong đó: Nợ gốc: 572.250 đồng; Lãi quá hạn: 2.814.958 đồng. Ngoài ra ông T vẫn còn phải tiếp tục trả khoản lãi, phí phát sinh từ ngày 27/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ Tín dụng cho đến khi trả hết nợ cho A. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được A phê duyệt ngày 14/12/2011 thì giữa chủ thẻ chính là ông Quách T và bên phát hành thẻ là Sacombank có thỏa thuận việc cấp và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế visa Platinum Cashback với hạn mức sử dụng là: 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Căn cứ các Bảng tóm tắt sao kê do A và Sao kê chi tiết giao dịch của ông Quách T có số chứng minh nhân dân 0791.... do A cung cấp thì ông T kích hoạt thẻ và bắt đầu sử dụng thẻ từ tháng 12/2011 đến tháng 11/2016 và có thanh toán

đều cho A, nhưng đến tháng 12/2016 thì ngưng thanh toán, trong thời gian sử dụng thẻ ông T thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 12.632.200 đồng và đã thanh toán cho A số tiền là 25.349.395 đồng) trong đó phí trễ hạn là 4.000.000 đồng, phí thường niên và phí thông báo giao dịch là 928.600 đồng, lãi trong hạn là 11.081.093 đồng. Sau khi trừ hết các khoản trên theo thứ tự thì số tiền gốc còn lại là 572.250 đồng. Kể từ tháng 12/2016 cho đến nay ông T không trả cho A thêm bất kì khoản tiền nào khác.

Căn cứ khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”

Căn cứ Điều 290 Bộ luật Dân sự năm 2005: “*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...*”.

Căn cứ Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định “... *số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước sau đó sẽ trừ tiếp vào các khoản giao dịch.*”

Căn cứ Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định “... *Chủ thẻ có trách nhiệm đối với việc thanh toán tất cả giao dịch và tất cả các khoản phí, chi phí phát sinh....*”.

Căn cứ Khoản 1, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*”.

Xét Bị đơn ông Quách T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Ngân hàng thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của A – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng. Do đó việc A khởi kiện yêu cầu bà phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 572.250 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[4.2]. Đối với yêu cầu trả tiền lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 26/9/2022) 2.814.958 đồng và buộc ông T phải tiếp tục chịu tiền lãi, phí phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho A. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ định tại Điều 290 Bộ luật Dân sự năm 2005: “... *2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...*”.

Căn cứ Khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Căn cứ Điều 20 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định: “*Thanh toán sẽ áp dụng theo thứ tự sau : các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước ...*”.

Căn cứ Điều 22 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định: “*Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh trên tài khoản...*”.

Căn cứ Điều 23 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định: “*Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại)...*”.

Xét trong quá trình thanh toán nợ cho A, bị đơn ông Quách T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và A đã chuyển toàn bộ khoản nợ của ông T sang nợ quá hạn kể từ ngày 26/12/2016 là phù hợp.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Nguyên đơn A về việc buộc bị đơn ông Quách T phải trả tiền lãi (tạm tính đến ngày 26/9/2022) là 2.814.958 đồng và buộc ông T phải tiếp tục chịu tiền lãi, theo mức lãi thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của T cho đến khi thanh toán hết nợ là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A được chấp nhận nên bị đơn ông Quách T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 290; Điều 471; Khoản 1 Điều 474; Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 20` 05.

Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn A.

Buộc ông Quách T phải có trách nhiệm trả cho A số tiền: 3.387.208 đồng (Bằng chữ: Ba triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn hai trăm lẻ tám đồng), trong đó: Nợ gốc: 572.250 đồng; Lãi quá hạn: 2.814.958 đồng. Việc thanh toán được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Quách T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng được A phê duyệt ngày 14/12/2011 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Việc thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Quách T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm ngàn đồng*).

Hoàn trả cho A số tiền án phí đã tạm nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm đồng*) theo biên lai thu số AA/2019/0032517 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Hoa